

CÂU TƯỜNG THUẬT / GIÁN TIẾP

(Reported speech – *rì pò tít xpít ch*)

❖ Câu tường thuật dùng để kể lại, thuật lại lời của người khác nói

❖ Khi làm bài, ta cần chú ý:

1. Xác định người nói, người nghe trong câu
2. Gạch dưới tất cả các từ của **câu trong ngoặc kép “...”** cần phải chuyển đổi để tránh bỏ sót: chủ từ, túc từ, từ sở hữu, thời gian, địa điểm...

❖ Các bảng chuyển đổi từ câu trực tiếp sang câu tường thuật:

Bảng 1

Đại từ nhân xưng (chủ từ)	Nghĩa	Chuyển thành
I	Tôi	He / She / It (tùy theo người nói, người nghe)
You (điu)	Bạn	
He (<i>hi</i>)	Anh ấy, ông ấy	
She (<i>si</i>)	Cô ấy, bà ấy	
It (<i>it</i>)	Nó	
You (điu)	Các bạn	They
We (<i>qui</i>)	Chúng tôi	
They (<i>đây</i>)	Họ, chúng nó	

Bảng 2

TTSH	Nghĩa	Chuyển thành
my (<i>mai</i>)	Của tôi	His / Her / Its (tùy theo người nói, người nghe)
your (do)	Của bạn	
his (<i>hit x</i>)	Của anh ấy, ông ấy	
her (<i>hơ</i>)	Của cô ấy, bà ấy	
its (<i>it x</i>)	Của nó	
your (do)	Của các bạn	Their
our (<i>ao/ao ơ</i>)	Của chúng tôi	
their (<i>đe</i>)	Của họ, của chúng nó	

Bảng 3

ĐTNXTN/Tức từ)	Nghĩa	Chuyển thành
Me (<i>mi</i>)	Tôi	Him / Her / It (tùy theo người nói, người nghe)
You (<i>diu</i>)	Bạn	
Him	Anh ấy, ông ấy	
Her (<i>hơ</i>)	Cô ấy, bà ấy	
It	Nó	
Us (<i>ót x</i>)	Chúng tôi	Them
Them (<i>đâm</i>)	Họ, chúng nó	

Bảng 4

Câu trực tiếp →	→ Câu tường thuật / gián tiếp
Hiện tại đơn	Quá khứ đơn (lùi về 1 thì)
Quá khứ đơn Hiện tại hoàn thành	Quá khứ hoàn thành (had + V _{ed/3})
Will	Would
Must / have to: phải	Had to
May (<i>mây</i>): có thể	Might (<i>mai</i>)
Can: có thể	Could (<i>khút</i>)
This: đây là	That: đó là
These (<i>đi z</i>): đây là những	Those (<i>đâu z</i>): đó là những
Here (<i>hia</i>): ở đây	There (<i>đe</i>): ở kia
Now (<i>nao</i>): bây giờ	Then (<i>đen</i>): lúc đó
Today (<i>tu đây</i>): hôm nay	That day: ngày kia
Tonight (<i>tu nai</i>): tối nay	That night: tối kia
Yesterday (<i>đét x tơ đây</i>): hôm qua	The day before, the previous day (<i>đờ pri vi ọt x đây</i>): ngày trước đó

Câu trực tiếp →	→ Câu tường thuật / gián tiếp
Tomorrow (<i>tu mó râu</i>): ngày mai	The day after, the following/next day: (<i>đờ phó lâu inh đây</i>) ngày kế tiếp
Ago (<i>ờ gâu</i>)	Before
Last week: tuần rồi	The week before, the previous week
Các động từ sau không đổi khi chuyển sang câu gián tiếp: would, could, might, should, ought to	

I/ TƯỜNG THUẬT 1 CÂU NÓI (STATEMENTS):

Lisa said, "I am happy." (*Lisa nói "Tôi vui quá".*)

✓ Người nói: Lisa → như vậy "I" trong câu trên chỉ Lisa. Mà Lisa là con gái nên khi chuyển đổi ta dùng "she" thay thế.

✓ "am": động từ be ở thì HT đơn → động từ be ở thì QK đơn

→ Lisa said **she was** happy (*Lisa đã nói cô ấy vui quá*)

II/ TƯỜNG THUẬT LẠI CÂU HỎI (2 loại câu hỏi: Yes/No và Wh/How):

1/ CÂU HỎI YES/NO: thêm If / Whether vào câu tường thuật

Peter asked me: "Do you like chocolate?" (*Peter hỏi tôi: Bạn thích sô cô la phải không?*)

✓ Người nói: Peter

✓ Người nghe: "me": tôi. Như vậy "you: bạn" trong câu là chỉ tôi, nên khi chuyển đổi ta dùng "I" thay thế

✓ Thêm "If / whether" vào trước chủ từ mới chuyển đổi

✓ Do: bỏ trợ ĐT. Và trợ ĐT này cho ta biết được câu này ở thì HT đơn. Vì thế ta sẽ chuyển câu thành thì QKĐ: like → liked

→ Peter asked me **if I liked** chocolate (*Peter hỏi tôi rằng có phải tôi thích sô cô la không*)

2/ CÂU HỎI WH / HOW:

He asked, "Where do you go, Mary?" (Anh ấy đã hỏi, "Bạn đi đâu vậy Mary?")

✓ Người nói: he

✓ Người nghe: Mary. Như vậy "you: bạn" trong câu là chỉ Mary, nên khi chuyển đổi ta dùng "she" thay thế

✓ Do: bỏ, trợ ĐT này cho ta biết được câu này ở thì HT đơn. Vì thế ta sẽ chuyển câu thành thì QKĐ: go → went

→ **He asked Mary where she went** (Anh ấy đã hỏi Mary rằng cô ấy đã đi đâu)

BÀI TẬP

Các em bấm vào hình quyển sách để làm bài tập, ghi điểm vào ô vuông và nhớ bấm Save lưu bài:

1/ Đổi thời gian



2/ Đổi chủ từ/túc từ/sở hữu



Câu mệnh lệnh

1/ TT câu mệnh lệnh KĐ



2/ TT câu mệnh lệnh PĐ



Câu hỏi

1/ TT câu hỏi



2/ TT câu hỏi có thời gian



Các thì

1/ TT câu HTĐ



2/ TT câu HT tiếp diễn



3/ TT câu QKĐ



4/ TT câu HT hoàn thành



Câu nói (statements)

1/ TT câu nói KĐ



2/ TT câu nói KĐ có thời gian



3/ TT câu nói KĐ các thì



4/ Câu gián tiếp (VNDOC)

